

Số: 251/QĐ-UBND

Nam Đông, ngày 05 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành bộ tiêu chí đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ thông tin
tại các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

*Căn cứ Quyết định số 3043/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2021 của
UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành Bộ tiêu chí và phương pháp đánh
giá mức độ Chính quyền số các cấp tỉnh Thừa Thiên Huế;*

Xét đề nghị của Trưởng Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số huyện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định bộ tiêu chí đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện (có Phụ lục các tiêu chí kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của UBND huyện Nam Đông về việc hành bộ tiêu chí đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện; Ban chỉ đạo Chuyển đổi số huyện; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các Phó CT UBND huyện;
- VP: LĐ và các CV;
- Công TTĐT huyện;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Quốc Phụng

QUY ĐỊNH

BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẠI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC UBND HUYỆN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 251/QĐ-UBND
ngày 05/4/2022 của UBND huyện Nam Đông)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng đánh giá, xếp hạng

- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện.
- Đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND huyện.

Điều 2. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

Việc đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin nhằm hướng tới các mục đích sau:

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số của các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện;
- Làm cơ sở chỉ đạo khắc phục kịp thời những tồn tại, hạn chế, phát huy thế mạnh trong việc ứng dụng CNTT xây dựng Chính quyền điện tử, nâng cao chất lượng quản lý, điều hành và phục vụ nhân dân;
- Nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm của thủ trưởng và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của địa phương về ứng dụng CNTT xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số các cấp; xây dựng các cơ quan điển hình, cá nhân tiêu biểu trong việc ứng dụng CNTT; góp phần cụ thể hóa mô hình Chính quyền điện tử cấp huyện.

2. Yêu cầu

Việc đánh giá, xếp hạng mức độ chính quyền điện tử phải bảo đảm tính khách quan, minh bạch, phản ánh đúng thực trạng, kết quả ứng dụng CNTT của các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Trình tự, thời gian thực hiện đánh giá, xếp hạng

1. Hàng năm các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện tham chiếu bộ tiêu chí và phương pháp đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ thông tin ban hành tại Bộ tiêu chí này để tổ chức đánh giá, xếp hạng.

2. Trình tự thực hiện đánh giá, xếp hạng

a) Văn phòng HĐND và UBND huyện gửi Công văn và mẫu phiếu khảo sát yêu cầu các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện cung cấp số liệu về kết quả ứng dụng CNTT trước ngày 01/10;

b) Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện tiến hành rà soát, thu thập và điền số liệu vào mẫu phiếu khảo sát, gửi về Văn phòng HĐND và UBND huyện trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Công văn khảo sát;

c) Văn phòng HĐND và UBND huyện chủ trì tham mưu thành lập Tổ chấm điểm để thực hiện thẩm tra, xác minh số liệu trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được phiếu khảo sát cung cấp đầy đủ số liệu của các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện;

d) Sau khi có kết quả thẩm tra, xác minh, Văn phòng HĐND và UBND huyện tổng hợp số liệu, đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT trình UBND huyện duyệt và công bố kết quả.

3. Thời hạn đánh giá

Hội đồng chấm điểm, đánh giá chủ trì thực hiện đánh giá trong quý IV hàng năm.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 4. Trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện

1. Chỉ đạo thực hiện khảo sát, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các số liệu báo cáo về mức độ ứng dụng CNTT hàng năm theo yêu cầu của UBND huyện.

2. Phối hợp và tạo điều kiện để Hội đồng chấm điểm, đánh giá tiến hành thẩm tra, xác minh số liệu báo cáo.

3. Chịu trách nhiệm trước UBND huyện về kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT của cơ quan, đơn vị mình.

4. Cung cấp tài liệu kiểm chứng cho Hội đồng chấm điểm, đánh giá trong quá trình đánh giá, xếp hạng; các tài liệu kiểm chứng được ký số và gửi qua môi trường mạng (hoặc gửi trực tiếp) cho Văn phòng HĐND và UBND huyện để gửi cho các thành viên Hội đồng chấm điểm, đánh giá.

Điều 5. Trách nhiệm của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện

Bổ trí kinh phí đảm bảo cho việc đánh giá mức độ ứng dụng CNTT tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện.

Điều 6. Trách nhiệm của Văn phòng HĐND và UBND huyện

1. Tham mưu thành lập Hội đồng chấm điểm, đánh giá để tổ chức thực hiện việc đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT của các đơn vị trên địa bàn huyện định kỳ hàng năm; theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện.

2. Xây dựng, hiệu chỉnh, trình bổ sung, sửa đổi các tiêu chí đánh giá mức độ ứng dụng CNTT tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện phù hợp với tình hình thực tế, đáp ứng yêu cầu của từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Văn phòng HĐND và UBND huyện (cơ quan thường trực) để tổng hợp, báo cáo UBND huyện xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế./.

PHỤ LỤC

TIÊU CHÍ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC UBND HUYỆN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 251 /QĐ-UBND ngày 05/4/2022 của UBND huyện Nam Đông)

STT	TIÊU CHÍ	THANG ĐIỂM	ĐIỂM	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	HƯỚNG DẪN
1	Tỷ lệ máy tính có cài đặt phần mềm diệt virus máy tính có bản quyền	Điểm = Tỷ lệ % x Điểm tối đa (Điểm luôn <=1)	Tỷ lệ % x 1	1		Hợp đồng, thanh lý hợp đồng hoặc hóa đơn đỏ nếu tự đầu tư hoặc giám sát qua hệ thống của Sở Thông tin và Truyền thông nếu cài phần mềm BKAV Endpoint
2	Tỷ lệ máy tính đặt đúng tên và địa chỉ IP theo quy định của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh	Điểm = Tỷ lệ % x Điểm tối đa (Điểm luôn <=1)	Tỷ lệ % x 1	1		Tên máy tính: <i>hvtan_namdong</i>
3	Thông tin về cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của tổ chức, đơn vị trên Cổng thông tin điện tử huyện	Đầy đủ	1	1		Cung cấp thông tin cho cán bộ Chuyên trách CNTT để cập nhật và bổ sung
		Không đầy đủ	0			
4	Thông tin về cán bộ trong cơ quan (Bao gồm các thông tin họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử chính thức, nhiệm vụ đảm nhiệm) trên Cổng thông tin điện tử huyện	Đầy đủ	1	1		Cung cấp thông tin cho cán bộ Chuyên trách CNTT để cập nhật và bổ sung
		Không đầy đủ	0			
5	Tin bài đăng tải tại chuyên mục Tin tức sự kiện trên Cổng thông tin điện tử huyện	Từ 6 tin bài trở lên	1	1		Đăng tải hoặc trích lại tin bài của cấp trên lên Cổng thông tin

STT	TIÊU CHÍ	THANG ĐIỂM	ĐIỂM	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	HƯỚNG DẪN
		Từ 1- 5 tin bài	0.5			điện tử UBND huyện
		0 Tin bài	0			
6	Tin bài tuyên truyền cải cách hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử huyện	06 tin bài trở lên	1	1		Đăng tải hoặc trích lại tin bài của cấp trên lên Cổng thông tin điện tử UBND huyện
		Từ 1- 5 tin bài	0.5			
		0 Tin bài	0			
7	Thông tin tuyên truyền được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử huyện	06 tin bài trở lên	1	1		Đăng tải hoặc trích lại tin bài của cấp trên lên Cổng thông tin điện tử UBND huyện
		Từ 1- 5 tin bài	0.5			
		0 Tin bài	0			
8	Tin bài đăng tải trên chuyên mục Chuyên đổi số	06 tin bài trở lên	1	1		Đăng tải hoặc trích lại tin bài của cấp trên lên Cổng thông tin điện tử UBND huyện
		Từ 1- 5 tin bài	0.5			
		0 tin bài	0			

STT	TIÊU CHÍ	THANG ĐIỂM	ĐIỂM	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	HƯỚNG DẪN
9	Tỷ lệ Ý kiến chỉ đạo xử lý đúng hạn trên phần mềm Quản lý văn bản và điều hành	Điểm = Tỷ lệ % x Điểm tối đa (Điểm luôn <=1)	Tỷ lệ % x 1	5		Không cần kiểm chứng, Hội đồng căn cứ trên hệ thống để chấm điểm
10	Tỷ lệ công việc xử lý đúng hạn trên phần mềm Quản lý văn bản và điều hành	Điểm = Tỷ lệ % x Điểm tối đa (Điểm luôn <=1)	Tỷ lệ % x 1	5		Không cần kiểm chứng, Hội đồng căn cứ trên hệ thống để chấm điểm
11	Tỷ lệ cán bộ công chức thường xuyên sử dụng thư điện tử chuyên dùng để gửi/nhận văn bản phục vụ công vụ	Điểm = Tỷ lệ % x Điểm tối đa (Điểm luôn <=1)	Tỷ lệ % x 1	1		Không cần kiểm chứng, Hội đồng căn cứ trên hệ thống để chấm điểm
12	Tỷ lệ CC, VC nhập đầy đủ dữ liệu vào Phần mềm quản lý cán bộ công chức	Điểm = Tỷ lệ % x Điểm tối đa (Điểm luôn <=1)	Tỷ lệ % x 1	1		Không cần kiểm chứng, Hội đồng căn cứ trên hệ thống để chấm điểm
13	Tỷ lệ trả lời các phản ánh kiến nghị đúng hạn trên trang phản ánh hiện trường của tỉnh	Điểm = Tỷ lệ % x Điểm tối đa (Điểm luôn <=1)	Tỷ lệ % x 1	1		Không cần kiểm chứng. Nếu trong năm không có phản ánh hiện trường vẫn đạt điểm tối đa

STT	TIÊU CHÍ	THANG ĐIỂM	ĐIỂM	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	HƯỚNG DẪN
14	Tỷ lệ mức độ hài lòng trên trang tương tác của tỉnh	Điểm = Tỷ lệ % x Điểm tối đa (Điểm luôn <=1)	Tỷ lệ % x 1	1		01 phản ánh hiện trường không hài lòng thì trừ 0.1 điểm; Không có phản ánh hiện trường vẫn đạt điểm tối đa
15	Có 100% máy trạm được cài đặt phần mềm phòng, chống mã độc (phần mềm miễn phí hoặc có phí)	Điểm = Tỷ lệ % x Điểm tối đa (Điểm luôn <=1)	Tỷ lệ % x 1	1		Theo tiêu chí của Tỉnh về chuyển đổi số.
16	Tỷ lệ tham gia tập huấn CNTT và ISO, Chuyển đổi số	Đầy đủ	1	1		Không cần kiểm chứng; Văn phòng HĐND và UBND huyện chịu trách nhiệm thống kê
		Không đầy đủ	0			
17	File tài liệu kiểm chứng được đặt tên khoa học và dễ tra cứu	Khoa học	1	1		Tài liệu kiểm chứng đặt theo thứ tự của tiêu chí
		Không khoa học	0			
18	Gửi tài liệu kiểm chứng và Báo cáo tự chấm điểm ứng dụng CNTT trước hạn	Trước hạn	1	1		Trước 10/10 hàng năm
		Sau hạn	-2			
19	Có các tài liệu tuyên truyền (bằng nhiều hình thức: quyền, tờ rơi, video clip, trực tuyến...) về Chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị, ngành, lĩnh vực phụ trách	Có	1	1		Các đơn vị tự nghiên cứu soạn thảo và Cung cấp thông tin trực tuyến trên chuyên đề chuyển đổi số của trang/ Cổng thông tin điện tử của huyện (Kiểm chứng bằng cung cấp đường liên kết trên Cổng/ Trang thông tin điện tử)
		Không	0			

STT	TIÊU CHÍ	THANG ĐIỂM	ĐIỂM	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	HƯỚNG DẪN
20	Tham gia phong trào thi đua chuyển đổi số của huyện.					Có bài viết tham gia phong trào thi đua chuyển đổi số do huyện phát động
21	Tỷ lệ CBCC hiểu khái niệm cơ bản về chuyển đổi số, Chính quyền số, công nghệ số, dịch vụ số và sự cần thiết phải chuyển đổi số, phát triển Chính quyền số	Điểm = Tỷ lệ % x Điểm tối đa (Điểm luôn <=1)	Tỷ lệ % x 1	1		Đánh giá qua hình thức tổ chức khảo sát bằng phiếu hoặc qua môi trường mạng
22	Tỷ lệ CBCC nắm được các chương trình, kế hoạch chuyển đổi số, phát triển Chính quyền số, ứng dụng công nghệ thông tin trong CQNN của huyện	Điểm = Tỷ lệ % x Điểm tối đa (Điểm luôn <=1)	Tỷ lệ % x 1	1		Đánh giá qua hình thức tổ chức khảo sát bằng phiếu hoặc qua môi trường mạng hoặc liệt kê văn bản đang áp dụng
23	Cơ quan, đơn vị có mạng LAN đảm bảo tiêu chuẩn	Đảm bảo	1	1		Cụ thể bằng sơ đồ mạng đang sử dụng
		Không đảm bảo	0			
24	Cơ quan, đơn vị máy có kết nối WAN đảm bảo tốc độ	Đảm bảo	1	1		Sử dụng trang web https://www.speedtest.net/ để đo tốc độ mạng Wan của đơn vị và chụp lại ảnh để kiểm chứng
		Không đảm bảo	0			
25	Đã triển khai Kế hoạch chuyển đổi IPv6 của tỉnh/huyện	Đảm bảo	1	1		Đã cài trên phần mềm nhân sự và trên Card mạng
		Không đảm bảo	0			
26	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan đơn vị thực hiện quét QR tại cơ quan, đơn vị.	Điểm = Tỷ lệ % x Điểm tối đa (Điểm luôn <=1)	Tỷ lệ % x 1	1		Cung cấp thống kê quét QR trên hệ thống

STT	TIÊU CHÍ	THANG ĐIỂM	ĐIỂM	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	HƯỚNG DẪN
27	Có triển khai ứng dụng hợp thông minh (Đảm bảo tiêu chuẩn)	Có	1	1		Tự nghiên cứu và cài đặt trên máy tính bảng hoặc SmartPhone
		Không	0			
28	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức trong đơn vị cài đặt Hue-S và đã liên kết với Phần mềm Nhân sự của tỉnh	Điểm = Tỷ lệ % x Điểm tối đa (Điểm luôn <=1)	Tỷ lệ % x 1	1		Chụp ảnh màn hình Hue-S
29	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức thanh toán các dịch vụ cơ bản (điện, nước, viễn thông) trực tuyến.	Điểm = Tỷ lệ % x Điểm tối đa (Điểm luôn <=1)	Tỷ lệ % x 1	1		Cung cấp tài liệu minh chứng
30	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức thanh toán các dịch vụ cơ bản (điện, nước, viễn thông) qua ví điện tử, ngân hàng được tích hợp trên Hue-S	Điểm = Tỷ lệ % x Điểm tối đa (Điểm luôn <=1)	Tỷ lệ % x 1	1		Cung cấp tài liệu minh chứng
31	Số khoản thu, chi khác trong đơn vị sử dụng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt	Điểm = Tỷ lệ % x Điểm tối đa (Điểm luôn <=1)	Tỷ lệ % x 1	1		Cung cấp tài liệu minh chứng
32	Có sử dụng hệ thống báo cáo số của UBND tỉnh	Có	1	1		Không cần kiểm chứng, Hội đồng căn cứ trên hệ thống để chấm điểm
		Không	0			
33	Số lượng báo cáo số của cơ quan, đơn vị được tích hợp lên báo cáo số của UBND huyện	Điểm = Tỷ lệ % x Điểm tối đa (Điểm luôn <=1)	Tỷ lệ % x 1	1		Không cần kiểm chứng, Hội đồng căn cứ trên hệ thống để chấm điểm

STT	TIÊU CHÍ	THANG ĐIỂM	ĐIỂM	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	HƯỚNG DẪN
34	Số lượng cơ sở dữ liệu chuyên ngành được chuyển qua hệ thống Bigdata để phân tích dữ liệu	Điểm = Tỷ lệ % x Điểm tối đa (Điểm luôn <=1)	Tỷ lệ % x 1	1		Xây dựng CSDL của đơn vị mình và cập nhật lên hệ thống, cung cấp đường dẫn để minh chứng
35	Tổng số công chức, viên chức đã đăng ký, cấp chứng thư số	Điểm = Tỷ lệ % x Điểm tối đa (Điểm luôn <=1)	Tỷ lệ % x 1	1		Chụp ảnh chữ ký số đã được cấp
36	Tỷ lệ lãnh đạo cấp Trưởng phòng trở lên đã đăng ký, cấp chữ ký số bằng Sim di động	Điểm = Tỷ lệ % x Điểm tối đa (Điểm luôn <=1)	Tỷ lệ % x 1	1		Cung cấp tài liệu kiểm chứng
37	Triển khai ứng dụng Quản lý Tài chính - Kế toán	Đầy đủ	1	1		Không cần kiểm chứng, Hội đồng căn cứ trên hệ thống để chấm điểm
		Không đầy đủ	0			
38	Triển khai ứng dụng Quản lý Thi đua Khen thưởng	Đầy đủ	1	1		Không cần kiểm chứng, Hội đồng căn cứ trên hệ thống để chấm điểm
		Không đầy đủ	0			
39	Triển khai ứng dụng Quản lý Tài sản	Đầy đủ	1	1		Không cần kiểm chứng, Hội đồng căn cứ trên hệ thống để chấm điểm
		Không đầy đủ	0			
40	Có áp dụng hình thức kiểm tra, đánh giá qua môi trường số	Đầy đủ	1	1		Căn cứ vào kết quả dữ liệu của các hệ thống thông tin để làm cơ sở đánh giá
		Không đầy đủ	0			
41	Vi phạm phát Wifi trên mạng WAN của	Không vi	1	1		Không phát sóng WIFI mạng

STT	TIÊU CHÍ	THANG ĐIỂM	ĐIỂM	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	HƯỚNG DẪN
	huyện	phạm				nội bộ theo quy định của tỉnh
		Vi phạm	0			
42	Đạt giải phòng trào thi đua Chuyển đổi số cấp huyện và được tặng bằng khen (các chủ đề chuyển đổi số các đơn vị tự chọn)	Đạt giải	1	1		Giải nhất đạt 1 điểm, giải nhì đạt 0.9 điểm, giải ba đạt 0.8 điểm, giải khuyến khích 0.7 điểm, các giải còn lại 0.6 điểm
		Không đạt giải	0			
43	Tỷ lệ máy tính cập nhật đầy đủ các bản vá lỗi cho Windows	Đảm bảo	1	1		Thường xuyên cập nhật các bản vá lỗi Hệ điều hành Windows
		Không đảm bảo	0			
44	Sử dụng phần mềm giải nén 7-Zip thay thế cho Winrar	Điểm = Tỷ lệ % x Điểm tối đa (Điểm luôn <=1)	Tỷ lệ % x 1	1		Chỉ sử dụng 7-Zip và xóa hoàn toàn Winrar khỏi máy tính, ưu tiên sử dụng mã nguồn mở
45	Cam kết của người đứng đầu cơ quan về quyết tâm đổi mới, cho phép thử nghiệm cái mới, ứng dụng công nghệ mới, thúc đẩy chuyển đổi số, Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trong phạm vi cơ quan	Có	1	1		Văn bản cam kết
		Không	0			
46	Tỷ lệ báo cáo đúng hạn và được ký số trên phần mềm Báo cáo Chính phủ	Điểm = Tỷ lệ % x Điểm tối đa (Điểm luôn <=1)	Tỷ lệ % x 1	1		04 quý báo cáo Chính phủ trên phần mềm
47	Đăng ký sử dụng phần mềm diệt Virus tập trung BKAV Endpoint					Sử dụng tài khoản của đơn vị đăng nhập vào phần mềm Nhân

STT	TIÊU CHÍ	THANG ĐIỂM	ĐIỂM	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	HƯỚNG DẪN
						sự đề đăng ký

** Ghi chú: Tài liệu kiểm chứng là file điện tử, hình ảnh, video, ... rõ ràng và khoa học.*